

THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ngày hiệu lực: 28/02/2025)

Lưu ý : Trường hợp số lượng CK NĐTNN nắm giữ thêm <0 (vượt room), NĐTNN và tổ chức kinh tế có NĐTNN sở hữu trên 50% vốn đi đều lệ chỉ được phép bán CK cho đến khi tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại công ty đã bị chúng bằng hoặc nhỏ hơn tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa công bố.

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
SÀN HOSE							
1	AAA	100%	382.274.496	8.311.465	2.17%	373.963.031	
2	AAM	49%	6.049.741	113.677	0.92%	5.936.064	
3	AAT	50%	35.409.551	579.333	0.82%	34.830.218	
4	ABR	49%	9.800.000	9.681.000	48.41%	119.000	
5	ABS	0%	0	1.352	0%	-1.352	
6	ABT	50%	7.193.603	313.375	2.18%	6.880.228	
7	ACB	30%	1.339.997.373	1.339.997.373	30%	0	
8	ACC	0%	0	8.080.134	7.7%	-8.080.134	
9	ACG	50%	75.393.973	58.130.465	38.55%	17.263.508	
10	ACL	39.54%	19.832.876	1.132.386	2.26%	18.700.490	
11	ADG	65%	13.897.338	9.864.443	46.14%	4.032.895	
12	ADP	100%	23.039.850	193.440	0.84%	22.846.410	
13	ADS	50%	38.197.363	101.849	0.13%	38.095.514	
14	AGG	50%	81.264.040	1.320.294	0.81%	79.943.746	
15	AGM	0%	0	102.010	0.56%	-102.010	
16	AGR	100%	215.391.309	724.834	0.34%	214.666.475	
17	ANV	49%	130.667.075	1.912.006	0.72%	128.755.069	
18	APG	100%	223.621.942	20.937.770	9.36%	202.684.172	
19	APH	100%	243.884.268	68.601.643	28.13%	175.282.625	
20	ASG	30%	27.235.400	666.776	0.73%	26.568.624	
21	ASM	49%	181.387.342	45.971.900	12.42%	135.415.442	
22	ASP	49%	18.296.565	18.293.564	48.99%	3.001	
23	AST	49%	22.050.000	19.701.981	43.78%	2.348.019	
24	ATP	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	(*)
25	BAF	50%	119.510.821	7.459.651	3.12%	112.051.170	
26	BBC	50%	9.376.343	127.587	0.68%	9.248.756	
27	BCE	49%	17.150.000	554.240	1.58%	16.595.760	
28	BCG	50%	440.105.322	11.818.373	1.34%	428.286.949	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NDTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
29	BCM	34%	351.900.000	22.622.869	2.19%	329.277.131	
30	BFC	50%	28.583.996	1.763.520	3.08%	26.820.476	
31	BHN	49%	113.582.000	40.710.005	17.56%	72.871.995	
32	BIC	49%	57.465.678	53.478.888	45.6%	3.986.790	
33	BID	30%	2.069.254.580	1.157.557.696	16.78%	911.696.884	
34	BKG	50%	35.804.510	72.040	0.10%	35.732.470	
35	BMC	49%	6.072.388	691.156	5.58%	5.381.232	
36	BMI	49%	64.994.980	39.506.683	29.78%	25.488.297	
37	BMP	100%	81.860.938	67.920.357	82.97%	13.940.581	
38	BRC	50%	6.187.498	165.941	1.34%	6.021.557	
39	BSI	100%	223.060.701	91.781.985	41.15%	131.278.716	
40	BSR	49%	1.519.244.811	13.283.003	0.43%	1.505.961.808	
41	BTP	49%	29.637.944	5.149.720	8.51%	24.488.224	
42	BTB	0%	0	662.943	4.91%	-662.943	
43	BVH	49%	363.738.154	197.284.345	26.58%	166.453.809	
44	BWE	49%	107.765.035	25.509.119	11.6%	82.255.916	
45	C32	50%	7.515.072	161.409	1.07%	7.353.663	
46	C47	0%	0	16.323	0.04%	-16.323	
47	CACB2403	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
48	CACB2404	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
49	CACB2405	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
50	CACB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
51	CACB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
52	CACB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
53	CACB2504	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
54	CACB2505	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
55	CACB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
56	CCI	0%	0	417.550	2.35%	-417.550	
57	CCL	50%	29.790.709	1.269.509	2.13%	28.521.200	
58	CDC	49%	10.774.470	90.031	0.41%	10.684.439	
59	CFPT2402	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
60	CFPT2403	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
61	CFPT2404	100%	12.000.000	44.720	0.37%	11.955.280	
62	CFPT2405	100%	2.000.000	6.500	0.33%	1.993.500	
63	CFPT2406	100%	1.000.000	400	0.04%	999.600	
64	CFPT2407	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
65	CFPT2501	100%	5.000.000	10.000	0.20%	4.990.000	
66	CFPT2502	100%	10.000.000	7.000	0.07%	9.993.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
67	CFPT2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
68	CFPT2504	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
69	CFPT2505	100%	2.000.000	1.000	0.05%	1.999.000	
70	CFPT2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
71	CFPT2507	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
72	CFPT2508	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
73	CHDB2401	100%	4.000.000	1.429.500	35.74%	2.570.500	
74	CHDB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
75	CHP	0%	0	5.575.176	3.79%	-5.575.176	
76	CHPG2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
77	CHPG2403	100%	15.000.000	553.300	3.69%	14.446.700	
78	CHPG2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
79	CHPG2407	100%	35.000.000	1.000	0%	34.999.000	
80	CHPG2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
81	CHPG2409	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
82	CHPG2410	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
83	CHPG2411	100%	8.000.000	7.953.900	99.42%	46.100	
84	CHPG2412	100%	8.000.000	7.405.300	92.57%	594.700	
85	CHPG2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
86	CHPG2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
87	CHPG2503	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
88	CHPG2504	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
89	CHPG2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
90	CHPG2506	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
91	CHPG2507	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
92	CHPG2508	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
93	CHPG2509	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
94	CHPG2510	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
95	CIG	0%	0	13.313	0.03%	-13.313	
96	CII	40%	219.190.633	20.093.129	3.67%	199.097.504	
97	CKG	0%	0	17.321	0.02%	-17.321	
98	CLC	49%	12.841.715	537.149	2.05%	12.304.566	
99	CLL	49%	16.660.000	3.376.501	9.93%	13.283.499	
100	CLW	49%	6.370.000	612.990	4.72%	5.757.010	
101	CMBB2402	100%	11.000.000	801.200	7.28%	10.198.800	
102	CMBB2404	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
103	CMBB2405	100%	27.000.000	0	0%	27.000.000	
104	CMBB2406	100%	33.000.000	0	0%	33.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
105	CMBB2407	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
106	CMBB2408	100%	1.000.000	562.800	56.28%	437.200	
107	CMBB2409	100%	1.000.000	760.400	76.04%	239.600	
108	CMBB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
109	CMBB2502	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
110	CMBB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
111	CMBB2504	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
112	CMBB2505	100%	2.500.000	0	0%	2.500.000	
113	CMBB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
114	CMBB2507	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
115	CMBB2508	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
116	CMG	50%	95.198.748	68.068.848	35.75%	27.129.900	
117	CMSN2401	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
118	CMSN2404	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
119	CMSN2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
120	CMSN2406	100%	6.000.000	37.500	0.63%	5.962.500	
121	CMSN2407	100%	8.000.000	7.798.900	97.49%	201.100	
122	CMSN2408	100%	8.000.000	6.750.600	84.38%	1.249.400	
123	CMSN2501	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
124	CMSN2502	100%	14.000.000	0	0%	14.000.000	
125	CMSN2503	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
126	CMSN2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
127	CMV	0%	0	6.903	0.04%	-6.903	
128	CMWG2401	100%	10.000.000	50.500	0.51%	9.949.500	
129	CMWG2403	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
130	CMWG2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
131	CMWG2406	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
132	CMWG2407	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
133	CMWG2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
134	CMWG2409	100%	1.500.000	764.500	50.97%	735.500	
135	CMWG2410	100%	1.500.000	1.092.300	72.82%	407.700	
136	CMWG2501	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
137	CMWG2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
138	CMWG2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
139	CMWG2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
140	CMWG2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
141	CMWG2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
142	CMX	50%	50.949.495	17.825.222	17.49%	33.124.273	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
143	CNG	49%	17.198.816	1.138.065	3.24%	16.060.751	
144	COM	49%	6.919.107	28.290	0.20%	6.890.817	
145	CRC	0%	0	96.390	0.16%	-96.390	
146	CRE	50%	231.839.267	18.647.149	4.02%	213.192.118	
147	CRV	50%	336.208.320	0	0%	336.208.320	(*)
148	CSHB2401	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
149	CSHB2402	100%	6.000.000	5.022.300	83.71%	977.700	
150	CSHB2403	100%	4.000.000	3.460.400	86.51%	539.600	
151	CSHB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
152	CSM	50%	51.813.233	991.521	0.96%	50.821.712	
153	CSSB2401	100%	4.000.000	3.183.800	79.6%	816.200	
154	CSTB2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
155	CSTB2404	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
156	CSTB2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
157	CSTB2409	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
158	CSTB2410	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
159	CSTB2411	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
160	CSTB2412	100%	8.000.000	6.542.000	81.78%	1.458.000	
161	CSTB2413	100%	8.000.000	7.818.900	97.74%	181.100	
162	CSTB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
163	CSTB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
164	CSTB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
165	CSTB2504	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
166	CSTB2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
167	CSTB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
168	CSV	50%	55.249.955	2.000.161	1.81%	53.249.794	
169	CTCB2403	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
170	CTCB2404	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
171	CTCB2405	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
172	CTCB2406	100%	1.000.000	2.800	0.28%	997.200	
173	CTCB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
174	CTCB2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
175	CTCB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
176	CTCB2504	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
177	CTCB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
178	CTCB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
179	CTD	49%	50.780.297	50.778.997	49%	1.300	
180	CTF	49%	46.870.390	2.076.026	2.17%	44.794.364	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
181	CTG	30%	1.610.997.524	1.437.368.142	26.77%	173.629.382	
182	CTI	49%	30.869.998	511.860	0.81%	30.358.138	
183	CTPB2403	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
184	CTPB2404	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
185	CTPB2405	100%	1.000.000	121.800	12.18%	878.200	
186	CTPB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
187	CTR	49%	56.049.080	9.418.927	8.23%	46.630.153	
188	CTS	49%	72.881.772	821.345	0.55%	72.060.427	
189	CVHM2402	100%	7.000.000	150.000	2.14%	6.850.000	
190	CVHM2406	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
191	CVHM2407	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
192	CVHM2408	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
193	CVHM2409	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
194	CVHM2410	100%	6.000.000	5.941.500	99.03%	58.500	
195	CVHM2411	100%	4.000.000	3.850.900	96.27%	149.100	
196	CVHM2501	100%	25.000.000	1.250.000	5%	23.750.000	
197	CVHM2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
198	CVHM2503	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
199	CVHM2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
200	CVIB2402	100%	10.000.000	10.000	0.10%	9.990.000	
201	CVIB2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
202	CVIB2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
203	CVIB2407	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
204	CVIB2408	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
205	CVIB2501	100%	23.000.000	0	0%	23.000.000	
206	CVIB2502	100%	13.000.000	0	0%	13.000.000	
207	CVIB2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
208	CVIC2404	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
209	CVIC2405	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
210	CVIC2406	100%	6.000.000	5.963.200	99.39%	36.800	
211	CVIC2407	100%	4.000.000	3.949.600	98.74%	50.400	
212	CVIC2501	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
213	CVIC2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
214	CVIC2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
215	CVJC2401	100%	4.000.000	3.892.800	97.32%	107.200	
216	CVJC2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
217	CVNM2401	100%	8.000.000	380.000	4.75%	7.620.000	
218	CVNM2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
219	CVNM2406	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
220	CVNM2407	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
221	CVNM2408	100%	4.000.000	2.665.400	66.64%	1.334.600	
222	CVNM2501	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
223	CVNM2502	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
224	CVNM2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
225	CVNM2504	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
226	CVNM2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
227	CVPB2401	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
228	CVPB2403	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
229	CVPB2407	100%	40.000.000	0	0%	40.000.000	
230	CVPB2408	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
231	CVPB2409	100%	11.000.000	42.500	0.39%	10.957.500	
232	CVPB2410	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
233	CVPB2411	100%	6.000.000	5.692.600	94.88%	307.400	
234	CVPB2412	100%	4.000.000	3.700.000	92.5%	300.000	
235	CVPB2501	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
236	CVPB2502	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
237	CVPB2503	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
238	CVPB2504	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
239	CVPB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
240	CVPB2506	100%	12.000.000	5.965.500	49.71%	34.500	(*)
241	CVRE2402	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
242	CVRE2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
243	CVRE2406	100%	18.000.000	30.000	0.17%	17.970.000	
244	CVRE2407	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
245	CVRE2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
246	CVRE2409	100%	6.000.000	5.771.600	96.19%	228.400	
247	CVRE2410	100%	4.000.000	393.500	9.84%	3.606.500	
248	CVRE2501	100%	9.000.000	1.000	0.01%	8.999.000	
249	CVRE2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
250	CVRE2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
251	CVRE2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
252	CVRE2505	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
253	CVT	50%	18.345.443	165.803	0.45%	18.179.640	
254	D2D	50%	15.152.379	260.543	0.86%	14.891.836	
255	DAH	0%	0	3.030	0%	-3.030	
256	DAT	0%	0	5.643	0.01%	-5.643	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
257	DBC	49%	163.987.881	28.487.073	8.51%	135.500.808	
258	DBD	100%	93.593.847	13.817.096	14.76%	79.776.751	
259	DBT	0%	0	238.133	1.16%	-238.133	
260	DC4	50%	28.874.633	598.721	1.04%	28.275.912	
261	DCL	0%	0	813.293	1.11%	-813.293	
262	DCM	49%	259.406.000	30.117.863	5.69%	229.288.137	
263	DGC	49%	186.091.850	64.259.454	16.92%	121.832.396	
264	DGW	49%	107.466.882	41.722.204	19.02%	65.744.678	
265	DHA	49%	7.408.773	1.439.329	9.52%	5.969.444	
266	DHC	50%	40.246.524	31.866.434	39.59%	8.380.090	
267	DHG	100%	130.746.071	70.269.342	53.74%	60.476.729	
268	DHM	0%	0	45.580	0.13%	-45.580	
269	DIG	49%	298.827.477	24.373.468	4%	274.454.009	
270	DLG	49%	146.661.762	3.938.287	1.32%	142.723.475	
271	DMC	100%	34.727.465	19.626.678	56.52%	15.100.787	
272	DPG	49%	30.869.781	4.218.853	6.7%	26.650.928	
273	DPM	49%	191.786.000	35.302.431	9.02%	156.483.569	
274	DPR	50%	43.442.966	4.473.033	5.15%	38.969.933	
275	DQC	49%	16.836.113	203.781	0.59%	16.632.332	
276	DRC	49%	58.208.376	10.394.536	8.75%	47.813.840	
277	DRH	50%	62.176.933	1.133.824	0.91%	61.043.109	
278	DRL	0%	0	277.470	2.92%	-277.470	
279	DSC	100%	204.838.925	19.800	0.01%	204.819.125	
280	DSE	100%	330.000.000	44.877.067	13.6%	285.122.933	
281	DSN	49%	5.920.674	1.845.097	15.27%	4.075.577	
282	DTA	49%	8.849.317	35.504	0.20%	8.813.813	
283	DTL	49%	30.103.445	295	0%	30.103.150	
284	DTT	49%	3.994.391	17.604	0.22%	3.976.787	
285	DVP	49%	19.600.000	5.422.892	13.56%	14.177.108	
286	DXG	50%	361.225.460	138.257.458	19.14%	222.968.002	
287	DXS	50%	289.551.562	111.703.868	19.29%	177.847.694	
288	DXV	49%	4.851.000	53.750	0.54%	4.797.250	
289	E1VFN30	100%	264.200.000	226.599.098	85.77%	37.600.902	
290	EIB	29.97043%	560.090.574	52.735.401	2.82%	507.355.173	
291	ELC	49%	40.812.137	2.852.505	3.42%	37.959.632	
292	EVE	100%	41.979.773	27.947.234	66.57%	14.032.539	
293	EVF	15%	114.084.870	6.935.243	0.91%	107.149.627	
294	EVG	49%	105.472.419	1.992.969	0.93%	103.479.450	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
295	FCM	49%	22.651.046	1.353.331	2.93%	21.297.715	
296	FCN	50%	78.719.502	49.474.316	31.42%	29.245.186	
297	FDC	50%	19.314.994	6.831	0.02%	19.308.163	
298	FIR	50%	32.122.640	122.084	0.19%	32.000.556	
299	FIT	0%	0	96.751	0.03%	-96.751	
300	FMC	50%	32.694.444	20.255.830	30.98%	12.438.614	
301	FPT	49%	720.823.899	652.908.733	44.38%	67.915.166	
302	FRT	49%	66.758.770	46.520.180	34.15%	20.238.590	
303	FTS	100%	305.919.366	92.132.576	30.12%	213.786.790	
304	FUCTVGF3	49%	9.751.392	0	0%	9.751.392	
305	FUCTVGF4	49%	9.829.400	0	0%	9.829.400	
306	FUCTVGF5	49%	8.467.200	80.000	0.46%	8.387.200	
307	FUCVREIT	49%	2.450.000	78.620	1.57%	2.371.380	
308	FUEABVND	100%	7.100.000	0	0%	7.100.000	
309	FUEBFVND	100%	3.800.000	0	0%	3.800.000	
310	FUEDCMID	100%	29.500.000	24.360.298	82.58%	5.139.702	
311	FUEFCV50	100%	5.600.000	103.825	1.85%	5.496.175	
312	FUEIP100	100%	5.300.000	118.500	2.24%	5.181.500	
313	FUEKIV30	100%	201.300.000	193.537.000	96.14%	7.763.000	
314	FUEKIVFS	100%	24.500.000	20.904.000	85.32%	3.596.000	
315	FUEKIVND	100%	8.500.000	8.353.800	98.28%	146.200	
316	FUEMAV30	100%	48.200.000	45.015.487	93.39%	3.184.513	
317	FUEMAVN D	100%	24.600.000	22.426.600	91.17%	2.173.400	
318	FUESSV30	100%	10.300.000	3.515.630	34.13%	6.784.370	
319	FUESSV50	100%	6.400.000	2.051.089	32.05%	4.348.911	
320	FUESSVFL	100%	21.200.000	9.997.539	47.16%	11.202.461	
321	FUETCC50	100%	6.100.000	0	0%	6.100.000	
322	FUEVFNND	100%	372.300.000	345.903.244	92.91%	26.396.756	
323	FUEVN100	100%	28.300.000	2.031.550	7.18%	26.268.450	
324	GAS	49%	1.147.909.730	40.277.729	1.72%	1.107.632.001	
325	GDT	50%	11.941.778	2.652.440	11.11%	9.289.338	
326	GEE	50%	150.000.000	326.800	0.11%	149.673.200	
327	GEG	50%	211.254.185	192.216.623	45.49%	19.037.562	
328	GEX	50%	429.714.896	63.864.055	7.43%	365.850.841	
329	GIL	50%	50.800.033	1.674.556	1.65%	49.125.477	
330	GMD	49%	202.851.478	182.510.154	44.09%	20.341.324	
331	GMH	50%	8.250.000	119.700	0.73%	8.130.300	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
332	GSP	0%	0	423.338	0.69%	-423.338	
333	GTA	49%	5.096.000	10.084	0.10%	5.085.916	
334	GVR	13%	520.000.000	18.823.660	0.47%	501.176.340	
335	HAG	49%	518.159.294	27.728.733	2.62%	490.430.561	
336	HAH	30%	36.402.927	16.006.856	13.19%	20.396.071	
337	HAP	49%	54.437.908	2.366.853	2.13%	52.071.055	
338	HAR	49%	49.661.549	2.579.661	2.55%	47.081.888	
339	HAS	49%	3.920.000	1.226.994	15.34%	2.693.006	
340	HAX	50%	53.719.840	25.862.089	24.07%	27.857.751	
341	HCD	0%	0	73.321	0.20%	-73.321	
342	HCM	49%	353.197.650	314.738.003	43.66%	38.459.647	
343	HDB	17.5%	614.274.894	606.886.136	17.29%	7.388.758	
344	HDC	49%	87.393.933	4.589.807	2.57%	82.804.126	
345	HDG	50%	168.165.764	67.379.051	20.03%	100.786.713	
346	HHP	49%	42.411.628	5.948.843	6.87%	36.462.785	
347	HHS	50%	183.992.984	7.015.301	1.91%	176.977.683	
348	HHV	49%	211.805.208	29.365.194	6.79%	182.440.014	
349	HID	49%	37.614.865	334.583	0.44%	37.280.282	
350	HII	50%	36.831.508	521.507	0.71%	36.310.001	
351	HMC	0%	0	117.530	0.43%	-117.530	
352	HNA	0%	0	1.000	0%	-1.000	
353	HPG	49%	3.134.162.598	1.380.222.674	21.58%	1.753.939.924	
354	HPX	49%	149.042.604	1.783.513	0.59%	147.259.091	
355	HQC	50%	288.300.000	7.144.751	1.24%	281.155.249	
356	HRC	0%	0	180.941	0.60%	-180.941	
357	HSG	49%	304.281.331	56.350.719	9.07%	247.930.612	
358	HSL	49%	18.898.007	712.706	1.85%	18.185.301	
359	HT1	49%	186.979.056	5.356.174	1.4%	181.622.882	
360	HTG	0%	0	7.765	0.02%	-7.765	
361	HTI	50%	12.474.600	3.698.863	14.83%	8.775.737	
362	HTL	49%	5.880.000	3.631.269	30.26%	2.248.731	
363	HTN	49%	43.667.041	1.156.539	1.3%	42.510.502	
364	HTV	0%	0	772.770	5.9%	-772.770	
365	HU1	50%	5.000.000	2.101	0.02%	4.997.899	
366	HUB	0%	0	297.223	1.13%	-297.223	
367	HVH	49%	19.915.966	1.193.934	2.94%	18.722.032	
368	HVN	30%	664.318.252	174.551.874	7.88%	489.766.378	
369	HVX	47.153%	19.580.401	400.462	0.96%	19.179.939	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
370	ICT	100%	32.185.000	125.272	0.39%	32.059.728	
371	IDI	49%	133.854.607	2.375.991	0.87%	131.478.616	
372	IJC	49%	185.096.708	18.121.094	4.8%	166.975.614	
373	ILB	49%	12.006.100	2.797.300	11.42%	9.208.800	
374	IMP	75%	115.532.071	76.072.276	49.38%	39.459.795	
375	ITC	0%	0	258.247	0.27%	-258.247	
376	ITD	49%	12.021.459	322.333	1.31%	11.699.126	
377	JVC	49%	55.125.083	2.319.767	2.06%	52.805.316	
378	KBC	49%	376.126.331	148.445.520	19.34%	227.680.811	
379	KDC	50%	144.903.158	52.155.899	18%	92.747.259	
380	KDH	50%	505.571.282	371.889.490	36.78%	133.681.792	
381	KHG	49%	220.223.250	3.013.686	0.67%	217.209.564	
382	KHP	0%	0	757.695	1.25%	-757.695	
383	KMR	100%	56.881.443	35.425.222	62.28%	21.456.221	
384	KOS	49%	106.075.854	313.572	0.14%	105.762.282	
385	KPF	49%	29.824.948	86.224	0.14%	29.738.724	
386	KSB	49%	56.241.760	4.419.936	3.85%	51.821.824	
387	L10	49%	4.846.100	94.143	0.95%	4.751.957	
388	LAF	49%	7.461.729	384.093	2.52%	7.077.636	
389	LBM	50%	20.000.000	5.945.294	14.86%	14.054.706	
390	LCG	50%	97.545.585	4.445.574	2.28%	93.100.011	
391	LDG	50%	128.486.292	3.347.391	1.3%	125.138.901	
392	LEC	49%	12.789.000	3.132	0.01%	12.785.868	
393	LGC	49%	94.498.834	86.756.074	44.99%	7.742.760	
394	LGL	50%	25.750.000	1.075.731	2.09%	24.674.269	
395	LHG	49%	24.505.884	8.809.977	17.62%	15.695.907	
396	LIX	50%	32.400.000	1.986.653	3.07%	30.413.347	
397	LM8	0%	0	43.886	0.47%	-43.886	
398	LPB	5%	149.364.105	28.645.981	0.96%	120.718.124	
399	LSS	0%	0	650.833	0.81%	-650.833	
400	MBB	23.2351%	1.417.869.154	1.417.869.154	23.24%	0	
401	MCM	100%	110.000.000	592.520	0.54%	109.407.480	
402	MCP	0%	0	28.165	0.16%	-28.165	
403	MDG	49%	5.335.625	300	0%	5.335.325	
404	MHC	49%	21.303.395	495.349	1.14%	20.808.046	
405	MIG	100%	172.672.500	28.834.427	16.7%	143.838.073	
406	MSB	30%	780.000.000	716.057.736	27.54%	63.942.264	
407	MSH	49%	36.756.909	3.843.850	5.12%	32.913.059	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
408	MSN	49%	741.334.762	386.776.095	25.56%	354.558.667	
409	MWG	49%	716.499.646	660.907.028	45.2%	55.592.619	
410	NAB	30%	411.765.165	17.611.399	1.28%	394.153.766	
411	NAF	100%	67.979.281	13.119.702	19.3%	54.859.579	
412	NAV	49%	3.920.000	71.035	0.89%	3.848.965	
413	NBB	50%	50.237.828	471.081	0.47%	49.766.747	
414	NCT	30%	7.850.082	4.101.917	15.68%	3.748.165	
415	NHA	49%	21.645.514	403.845	0.91%	21.241.669	
416	NHH	100%	72.880.000	361.060	0.50%	72.518.940	
417	NHT	50%	12.014.084	719.790	3%	11.294.294	
418	NKG	50%	157.965.989	24.665.610	7.81%	133.300.379	
419	NLG	50%	192.537.652	158.191.350	41.08%	34.346.302	
420	NNC	49%	10.740.800	1.083.634	4.94%	9.657.166	
421	NOI	49%	11.760.000	1.372.400	5.72%	10.387.600	
422	NSC	49%	8.617.624	1.569.211	8.92%	7.048.413	
423	NT2	49%	141.059.254	39.259.493	13.64%	101.799.761	
424	NTL	49%	59.770.151	17.354.990	14.23%	42.415.161	
425	NVL	49%	955.551.223	88.855.781	4.56%	866.695.442	
426	NVT	50%	45.250.000	110.620	0.12%	45.139.380	
427	OCB	22%	542.473.613	490.869.005	19.91%	51.604.608	
428	OGC	49%	147.000.000	1.194.116	0.40%	145.805.884	
429	OPC	0%	0	442.527	0.69%	-442.527	
430	ORS	49%	164.639.874	2.648.539	0.79%	161.991.335	
431	PAC	50%	23.235.853	5.800.557	12.48%	17.435.296	
432	PAN	49%	105.984.344	42.924.973	19.85%	63.059.371	
433	PC1	50%	178.821.060	55.986.494	15.65%	122.834.566	
434	PDN	0%	0	89.269	0.24%	-89.269	
435	PDR	50%	436.570.041	67.725.432	7.76%	368.844.609	
436	PET	0%	0	925.657	0.86%	-925.657	
437	PGC	49%	29.567.892	1.253.533	2.08%	28.314.359	
438	PGD	49%	48.509.150	46.365.095	46.83%	2.144.055	
439	PGI	100%	110.896.796	22.654.250	20.43%	88.242.546	
440	PGV	50%	561.734.023	230.556	0.02%	561.503.467	
441	PHC	50%	25.340.963	53.625	0.11%	25.287.338	
442	PHR	49%	66.394.607	25.238.425	18.63%	41.156.182	
443	PIT	0%	0	94.925	0.62%	-94.925	
444	PJT	0%	0	169.423	0.68%	-169.423	
445	PLP	49%	34.300.000	276.304	0.39%	34.023.696	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
446	PLX	20%	258.775.616	225.692.277	17.44%	33.083.339	
447	PMG	49%	22.704.776	9.344.571	20.17%	13.360.205	
448	PNC	49%	5.409.718	56.008	0.51%	5.353.710	
449	PNJ	49%	165.656.640	165.640.890	49%	15.750	
450	POW	49%	1.147.517.084	86.505.901	3.69%	1.061.011.183	
451	PPC	49%	159.855.150	29.929.074	9.17%	129.926.076	
452	PSH	0%	0	100	0%	-100	
453	PTB	25%	16.734.600	15.672.085	23.41%	1.062.515	
454	PTC	50%	16.153.662	279.098	0.86%	15.874.564	
455	PTL	0%	0	65.844	0.07%	-65.844	
456	PVD	49%	272.585.042	53.364.462	9.59%	219.220.580	
457	PVP	49%	50.814.201	3.946.025	3.81%	46.868.176	
458	PVT	49%	174.446.192	44.204.547	12.42%	130.241.645	
459	QCG	49%	134.813.361	3.700.719	1.35%	131.112.642	
460	QNP	0%	0	0	0%	0	
461	RAL	50%	11.773.709	486.781	2.07%	11.286.928	
462	RDP	50%	24.534.901	174.237	0.36%	24.360.664	
463	REE	49%	230.796.566	230.796.566	49%	0	
464	RYG	50%	22.500.000	3.600	0.01%	22.496.400	
465	S4A	0%	0	42.610	0.10%	-42.610	
466	SAB	100%	1.282.562.372	774.853.764	60.41%	507.708.608	
467	SAM	49%	186.180.875	2.181.456	0.57%	183.999.419	
468	SAV	50%	12.594.982	12.593.947	50%	1.035	
469	SBA	0%	0	163.967	0.27%	-163.967	
470	SBG	50%	24.999.981	362.944	0.73%	24.637.037	
471	SBT	100%	836.156.371	180.895.520	21.63%	655.260.851	
472	SBV	100%	27.366.476	4.023.863	14.7%	23.342.613	
473	SC5	49%	7.342.429	340.274	2.27%	7.002.155	
474	SCR	50%	215.297.518	4.542.545	1.05%	210.754.973	
475	SCS	30%	30.623.094	19.803.139	19.4%	10.819.955	
476	SFC	0%	0	74.063	0.66%	-74.063	
477	SFG	0%	0	97.773	0.20%	-97.773	
478	SFI	49%	12.194.652	2.512.432	10.1%	9.682.220	
479	SGN	30%	10.074.507	9.101.042	27.1%	973.465	
480	SGR	0%	0	6.235	0.01%	-6.235	
481	SGT	0%	0	8.201.806	5.54%	-8.201.806	
482	SHA	49%	16.388.870	290.393	0.87%	16.098.477	
483	SHB	30%	1.098.872.562	120.151.884	3.28%	978.720.678	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
484	SHI	49%	79.466.460	522.227	0.32%	78.944.233	
485	SHP	0%	0	5.304.109	5.24%	-5.304.109	
486	SIP	49%	103.161.367	10.299.854	4.89%	92.861.513	
487	SJD	50%	34.499.310	4.897.827	7.1%	29.601.483	
488	SJS	50%	57.427.770	712.911	0.62%	56.714.859	
489	SKG	49%	32.583.871	28.861.700	43.4%	3.722.171	
490	SMA	49%	9.972.889	10.418	0.05%	9.962.471	
491	SMB	49%	14.624.857	4.087.004	13.69%	10.537.853	
492	SMC	100%	73.678.587	15.302.050	20.77%	58.376.537	
493	SPM	49%	6.860.000	299.390	2.14%	6.560.610	
494	SRC	0%	0	26.257	0.09%	-26.257	
495	SRF	100%	35.566.780	16.326.200	45.9%	19.240.580	
496	SSB	5%	141.750.000	4.283.573	0.15%	137.466.427	
497	SSC	49%	7.346.259	124.528	0.83%	7.221.731	
498	SSI	100%	1.963.863.918	764.272.663	38.92%	1.199.591.255	
499	ST8	50%	12.860.451	122.633	0.48%	12.737.818	
500	STB	30%	565.564.714	426.377.122	22.62%	139.187.592	
501	STG	34%	33.406.141	29.521.147	30.05%	3.884.994	
502	STK	100%	96.636.924	16.101.664	16.66%	80.535.260	
503	SVC	49%	32.648.976	1.077.350	1.62%	31.571.626	
504	SVD	49%	13.526.894	76.778	0.28%	13.450.116	
505	SVI	100%	12.832.437	12.190.247	95%	642.190	
506	SVT	50%	8.655.489	32.565	0.19%	8.622.924	
507	SZC	20%	35.997.172	4.288.425	2.38%	31.708.747	
508	SZL	0%	0	4.783.875	16.43%	-4.783.875	
509	TBC	49%	31.115.000	920.704	1.45%	30.194.296	
510	TCB	22.5136%	1.590.552.461	1.590.045.860	22.51%	506.601	
511	TCD	49%	164.552.114	1.264.597	0.38%	163.287.517	
512	TCH	51%	340.790.079	49.006.933	7.33%	291.783.146	
513	TCI	100%	115.620.964	5.978.453	5.17%	109.642.511	
514	TCL	49%	14.777.633	1.894.723	6.28%	12.882.910	
515	TCM	50%	50.977.741	50.965.656	49.99%	12.085	
516	TCO	0%	0	234.570	0.75%	-234.570	
517	TCR	49%	5.082.863	5.006.953	48.27%	75.910	
518	TCT	0%	0	1.304.840	10.2%	-1.304.840	
519	TDC	50%	50.000.000	967.700	0.97%	49.032.300	
520	TDG	0%	0	1.445	0.01%	-1.445	
521	TDH	50%	56.326.383	1.528.851	1.36%	54.797.532	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
522	TDM	50%	55.000.000	3.450.953	3.14%	51.549.047	
523	TDP	51%	44.993.347	114.237	0.13%	44.879.110	
524	TDW	50%	4.250.000	257.910	3.03%	3.992.090	
525	TEG	49%	59.195.215	6.234.042	5.16%	52.961.173	
526	THG	49%	12.711.524	267.139	1.03%	12.444.385	
527	TIP	50%	32.503.928	11.189.183	17.21%	21.314.745	
528	TIX	0%	0	142.259	0.47%	-142.259	
529	TLD	49%	38.093.264	484.235	0.62%	37.609.029	
530	TLG	100%	86.453.575	19.234.137	22.25%	67.219.438	
531	TLH	49%	55.036.808	1.133.150	1.01%	53.903.658	
532	TMP	49%	34.300.000	557.953	0.80%	33.742.047	
533	TMS	49%	82.980.497	72.122.395	42.59%	10.858.102	
534	TMT	49%	18.270.963	935.008	2.51%	17.335.955	
535	TN1	50%	27.316.174	45.991	0.08%	27.270.183	
536	TNC	50%	9.625.000	107.292	0.56%	9.517.708	
537	TNH	70%	100.926.889	77.312.973	53.62%	23.613.916	
538	TNI	49%	25.725.000	67.686	0.13%	25.657.314	
539	TNT	49%	24.990.000	937.159	1.84%	24.052.841	
540	TPB	30%	792.586.858	792.586.858	30%	0	
541	TPC	49%	11.970.992	424.302	1.74%	11.546.690	
542	TRA	49%	20.312.299	19.318.319	46.6%	993.980	
543	TRC	49%	14.700.000	1.072.116	3.57%	13.627.884	
544	TSC	0%	0	379.518	0.19%	-379.518	
545	TTA	49%	83.328.220	2.502.068	1.47%	80.826.152	
546	TTE	50%	14.245.200	13.370	0.05%	14.231.830	
547	TTF	50%	205.599.151	23.139.451	5.63%	182.459.700	
548	TV2	15%	10.128.924	6.562.450	9.72%	3.566.474	
549	TVB	30%	33.629.105	1.432.157	1.28%	32.196.948	
550	TVS	49%	81.827.684	36.260.723	21.71%	45.566.961	
551	TVT	0%	0	54.990	0.26%	-54.990	
552	TYA	100%	6.134.773	2.337.218	38.1%	3.797.555	
553	UIC	0%	0	923.280	11.54%	-923.280	
554	VAF	49%	18.456.020	9.734	0.03%	18.446.286	
555	VCA	0%	0	19.475	0.13%	-19.475	
556	VCB	30%	1.676.727.378	1.272.885.902	22.77%	403.841.476	
557	VCF	49%	13.023.776	149.101	0.56%	12.874.675	
558	VCG	49%	293.310.794	36.767.161	6.14%	256.543.633	
559	VCI	100%	718.099.480	185.332.654	25.81%	532.766.826	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
560	VDP	35%	7.729.187	46.761	0.21%	7.682.426	
561	VDS	100%	243.000.000	8.451.838	3.48%	234.548.162	
562	VFG	51%	21.274.453	800.100	1.92%	20.474.353	
563	VGC	49%	219.691.500	24.873.171	5.55%	194.818.329	
564	VHC	100%	224.453.159	60.171.876	26.81%	164.281.283	
565	VHM	50%	2.053.706.002	497.276.849	12.11%	1.556.429.153	
566	VIB	4.99%	148.658.477	148.658.477	4.99%	0	
567	VIC	48.017596%	1.862.402.462	339.903.154	8.76%	1.522.499.308	
568	VID	50%	20.418.034	330.296	0.81%	20.087.738	
569	VIP	49%	33.550.761	7.706.870	11.26%	25.843.891	
570	VIX	100%	1.458.513.173	77.017.792	5.28%	1.381.495.381	
571	VJC	30%	162.483.400	70.054.771	12.93%	92.428.629	
572	VMD	49%	7.565.731	182.241	1.18%	7.383.490	
573	VND	100%	1.522.299.908	162.319.781	10.66%	1.359.980.127	
574	VNE	49%	44.312.146	1.098.030	1.21%	43.214.116	
575	VNG	49%	47.665.537	303.253	0.31%	47.362.284	
576	VNL	49%	6.928.838	1.794.293	12.69%	5.134.545	
577	VNM	100%	2.089.955.445	1.055.944.172	50.52%	1.034.011.273	
578	VNS	49%	33.251.004	1.754.149	2.58%	31.496.855	
579	VOS	49%	68.600.000	2.100.890	1.5%	66.499.110	
580	VPB	30%	2.380.177.080	1.971.404.267	24.85%	408.772.813	
581	VPD	50%	53.294.814	33.181.340	31.13%	20.113.474	
582	VPG	49%	43.323.717	186.556	0.21%	43.137.161	
583	VPH	49%	46.725.322	494.194	0.52%	46.231.128	
584	VPI	49%	156.824.292	35.166.424	10.99%	121.657.868	
585	VPS	49%	11.985.788	13.115	0.05%	11.972.673	
586	VRC	49%	24.500.000	66.175	0.13%	24.433.825	
587	VRE	49%	1.141.121.020	410.889.158	17.64%	730.231.862	
588	VSC	49%	140.530.441	8.652.285	3.02%	131.878.156	
589	VSH	49%	115.758.210	28.174.090	11.93%	87.584.120	
590	VSI	49%	6.468.000	174.266	1.32%	6.293.734	
591	VTB	49%	5.871.204	208.319	1.74%	5.662.885	
592	VTO	49%	39.134.666	11.225.618	14.06%	27.909.048	
593	VTP	49%	59.673.690	8.144.303	6.69%	51.529.387	
594	YBM	49%	7.006.941	22.854	0.16%	6.984.087	
595	YEG	49%	67.130.712	11.035.033	8.05%	56.095.679	

Ghi chú:

(*): CK đã đăng ký niêm yết nhưng chưa giao dịch.

(**): Trường hợp số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm lớn hơn số lượng CK được niêm yết tại SGDCK (niêm yết một phần) thì số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm bằng số lượng CK niêm yết.

**TUQ. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
KT. TRƯỞNG BAN TTBT
PHÓ TRƯỞNG BAN**